

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai Dự toán bổ sung
Ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 249/QĐ-THCSTA ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Trường THCS Thanh Am về việc niêm yết công khai dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3).

Trường THCS Thanh Am thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung:

Công khai dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3) theo biểu đính kèm.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 15/11/2021 đến 15/02/2022.

3. Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng , cổng thông tin điện tử trường THCS Thanh Am.

4. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Ban giám hiệu, kế toán, TB TTND, công khai tới toàn thể CBGVNV .

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 15/11/2021 đến 15/02/2022

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường: c2thanham@longbien.edu.vn

7. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Chậm nhất là ngày 15/02/2022.


Trần Thị Thanh Hà

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM
Số: 249/QĐ-THCSTA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Long Biên, ngày 15 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung Ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của quận Long Biên.

Căn cứ QĐ số 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 về việc bổ sung, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách cho các đơn vị thuộc quận Long Biên (đợt 3 – năm 2021).

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Thanh Am

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2021 theo biểu đính kèm.

Thời gian công khai: 15/11/2021 đến 15/02/2022

Hình thức công khai: Niêm yết tại Phòng Hội đồng Trường THCS Thanh Am và đăng trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3)

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-THCSTA ngày 15/11/2021 của Trường THCS Thanh Am về việc công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3).

Hôm nay, vào hồi 08h 00 ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại phòng Hội đồng Trường THCS Thanh Am

1. Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|---|
| - Bà Trần Thị Thanh Hà | Chức vụ: Hiệu trưởng- Người chịu trách nhiệm công khai |
| - Bà: Tống Bùi Mỹ Linh | Chức vụ: Trưởng ban thanh tra ND- Người chịu trách nhiệm CK |
| - Bà: Nguyễn Thị Hoàng Đan | Chức vụ: Thư ký HĐ- Người lập biên bản niêm yết công khai |
| - Bà: Nguyễn Hồng Hoa | Chức vụ: Kế toán- Người chịu trách nhiệm niêm yết |

2. Với sự chứng kiến của:

Đ/c: Phái đoàn Thu Mộ - TPT - Giáo viên

3.Nội dung: Đã tiến hành niêm yết công khai điều chỉnh giám dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2021 (Đợt 2) theo biểu mẫu đính kèm.

4.Thời gian niêm yết: Từ ngày 15 tháng 11 năm 2021 đến hết ngày 15 tháng 02 năm 2022.

5.Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng, công thông tin điện tử Trường THCS Thanh Am

Biên bản lập xong vào hồi 8 giờ 30 ngày 15 tháng 11 năm 2021, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.



Hiệu trưởng

Trần Thị Thanh Hà

Ban TTND

Tống Bùi Mỹ Linh

Người lập biên bản

Nguyễn Thị Hoàng Đan

Người chứng kiến

Phái đoàn Thu Mộ

Người chịu trách nhiệm niêm yết

Nguyễn Hồng Hoa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KẾT THÚC NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3)

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-THCSTA ngày 15/11/2021 của trường THCS Thanh Am về việc Công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3).

Hôm nay, vào hồi 17h 00 ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại phòng Hội đồng Trường THCS Thanh Am

1. Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|---|
| - Bà Trần Thị Thanh Hà | Chức vụ: Hiệu trưởng- Người chịu trách nhiệm công khai |
| - Bà: Tống Bùi Mỹ Linh | Chức vụ: Ban thanh tra ND- Người chịu trách nhiệm CK |
| - Bà: Nguyễn Thị Hoàng Đan | Chức vụ: Thư ký HD- Người lập biên bản niêm yết công khai |
| - Bà: Nguyễn Hồng Hoa | Chức vụ: Kế toán- Người chịu trách nhiệm niêm yết |

2. Với sự chứng kiến của: Đ/c Phó Thị Thu Nữ - TPT - Ban y tế

3. Nội dung: Lập biên bản kết thúc công khai Dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2021(Đợt 3) theo biểu mẫu đính kèm.

4. Thời gian đã được niêm yết: Từ ngày 15 tháng 11 năm 2021 đến hết ngày 15 tháng 02 năm 2022.

5. Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng, công thông tin điện tử Trường THCS Thanh Am

6. Những ý kiến phản hồi trong thời gian niêm yết: Không

Biên bản lập xong vào hồi 16 giờ 30 ngày 15 tháng 02 năm 2022, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.



Hiệu trưởng

Trần Thị Thanh Hà

Ban TTND

Tống Bùi Mỹ Linh

Người lập biên bản

Nguyễn Thị Hoàng Đan

Người chứng kiến

Phó Thị Thu Nữ

Người chịu trách nhiệm niêm yết

Nguyễn Hồng Hoa

UBND QUẬN LONG BIÊN
 Trưởng THCS Thanh Am
 Chương :622- Loại: 0/0- Khoản 073
 Mã số đơn vị SDNS: 1125758

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN BỔ SUNG NGÂN SÁCH NĂM 2021

**Kính gửi: Phòng Tài chính kế hoạch Quận Long Biên
 Khoa bạc Nhà nước Long Biên**

Căn cứ quyết định số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND Quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế- xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2021 của Quận Long Biên

Căn cứ quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 14/07/2021 của UBND Quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2021 của Quận Long Biên

Căn cứ quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 21/09/2021 của UBND Quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2021 (đợt 2) của Quận Long Biên

Căn cứ quyết định số 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND Quận Long Biên về việc bổ sung, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách cho các đơn vị thuộc quận Long Biên (Đợt 3 - năm 2021)

Căn cứ vào chế độ, định mức, quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị

Trưởng THCS Thanh Am lập điều chỉnh dự toán bổ sung ngân sách năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: 1.000đ

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QĐ số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 14/07/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ-UBND ngày 21/09/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QĐ số 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		TỔNG DỰ TOÁN CHI NĂM 2021	6 672 000	132 000	6 540 000	60 000	6 480 000	158 000	6 638 000

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QB số 7668/QĐ- UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ- UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bù sống theo QĐ số 7044/QĐ- UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I		KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ	5 876 000	132 000	5 744 000	60 000	5 684 000	158 000	5 842 000
LI		QUỸ LƯƠNG	2 101 777		2 101 777		2 101 777	0	2 101 777
6000		Tiền lương	1 223 455		1 223 455		1 223 455	0	1 223 455
	6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt							
		HS 75.71 x 1.210 x 12T	1 099 309		1 099 309		1 099 309	0	1 099 309
		Tăng lương thường xuyên: 5 d/c x 0.31 x 8 tháng x 1.210	15 004		15 004		15 004		15 004
		Truy lĩnh năng lương GV : 4 người x 0.31 x 5 tháng x 1.210	7 502		7 502		7 502		7 502
		Lương GV trường mầm non: 2.1 x 8 người x 1.210 x 5 tháng	101 640		101 640		101 640		101 640
6100		Phụ cấp lương	459 011		459 011		459 011	0	459 011
	6101	Chức vụ: HS 0.6 x 1.210 x 12T	8 712		8 712		8 712		8 712
	6113	Trách nhiệm: HS 1.25 x 1.210 x 12T = 18.150	18 150		18 150		18 150		18 150
	6112	Phụ cấp ngành: HS 24.709 x 1.210 x 12T	358 774		358 774		358 774		358 774
	6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo: HS: 5.0534 x 1.210x12T	73 375		73 375		73 375		73 375
6300		Các khoản đóng góp	419 311		419 311		419 311	0	419 311
	6301	BHXH: 122.89 x 1.210.000 x 17% x 12T	303 341		303 341		303 341		303 341
	6301	BHTNLĐ&BNH: 122.89 x 1.210.000 x 0.5% x 12T	8 921		8 921		8 921		8 921

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giảm theo QĐ số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QĐ số 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	6302	BHVT: 122.89 x 1.210.000 x 3% x 12T	53.530		53.530		53.530		53.530
	6303	KCCĐ: 122.89 x 1.210.000 x 2% x 12T	35.687		35.687		35.687		35.687
	6304	BHTN: 122.89 x 1.210.000 x 1% x 12T	17.832		17.832		17.832		17.832
LII		CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN	3.054.223		3.054.223		3.054.223	158.000	3.212.223
6050		Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	283.740		283.740		283.740		283.740
	6099	5 người x 4.729 x 12T	283.740		283.740		283.740		283.740
6100		Phụ cấp	33.406		33.406		33.406		33.406
	6105	Phụ cấp GV dạy thừa giờ: 20 tiết x 50.000đ/ tiết x 9 tháng	9.000		9.000		9.000		9.000
	6149	Phụ cấp dạy ngoài giờ của GV thỉnh giảng: 182 tiết/ 1 tháng x 14.900đ/ tiết x 9 T x 3 người	24.406		24.406		24.406		24.406
6250		Phúc lợi tập thể	20.000		20.000		20.000		20.000
	6299	Tiền nước uống GV (bình nước lavie): 2.000.000đ/ tháng x 10T	20.000		20.000		20.000		20.000
6400		Các khoản thanh toán cá nhân	420.000		420.000		420.000		420.000
	6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ							
		BQ lng: 12.000.000 x 35 ng	420.000		420.000		420.000		420.000

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QĐ số 76/8-QĐ- UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-L/UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ- UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bù sang theo QĐ số 7044/QĐ- UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	278 400	30 000	248 400	8 000	240 400		240 400
	6501	Thanh toán tiền điện: 18.000.000 x 10T; 8.000.000 x 2T	196 000	20 000	176 000	5 000	171 000		171 000
	6502	Thanh toán tiền nước: 7.000.000 x 10T; 2.000.000 x 2T	74 000	10 000	64 000	3 000	61 000		61 000
	6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường: 700.000 x 12T	8 400		8 400		8 400		8 400
6550		Vật tư văn phòng	396 109		396 109		396 109		396 109
	6551	Văn phòng phẩm: 3.000.000 đ x 12T	36 000		36 000		36 000		36 000
	6552	Mua băng rôn, khẩu hiệu, làm phòng sao khẩu, in hat các ngày lễ, tết, cờ trang trí, pano, áp phích, khẩu hiệu thi đua chào mừng, khẩu hiệu trang trí các phòng học, chức năng, khẩu hiệu trang trí khu vực cảnh sát phụ nữ....	40 000		40 000		40 000		40 000
		Mua biểu trưng các chi tiêu năm học, bảng biểu trường học diện tử, tuyên sinh, biển bảng phục vụ chuyển môn trong phòng tuyên thông, phòng hội đồng, đoàn đội, các phòng chức năng, nhà thể chất....	40 000		40 000		40 000		40 000
		Mua đồ thiết kế theo địa thế và diện tích sân trường: 01 chiếc to ở sân trường cho học sinh: 70.000.000đ, 06 chiếc nhỏ cho GV và đại biểu x 4.500.000đ = 27.000.000	97 000		97 000		97 000		97 000
	6553	Khoản VPP cho GV: 200.000đ/ người x 2kỷ x 70 ng	28 000		28 000		28 000		28 000
6599		Vật dụng lao công, dụng cụ vệ sinh, vật tư điện, tủ đựng rác, thùng rác, giấy vệ sinh: 4.000.000đ/ tn x 10 thùng	40 000		40 000		40 000		40 000

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QĐ số 7668/QĐ- UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ- UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QĐ số 7044/QĐ- UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		Mua chậu cây cảnh, đơn trồng hoa, giá để cây cảnh	30 000		30 000		30 000		30 000
		In giấy mời khai giảng, 20/11, in phòng bì trường	20 000		20 000		20 000		20 000
		Mua bộ chữ trang trí khánh tiết	20 000		20 000		20 000		20 000
		Cong cụ dụng cụ VP, bìa, kẹp hồ sơ, túi hồ sơ, hộp đựng hồ sơ, còi trang trí, khăn trải bàn, hoa lẵng....	45 109		45 109		45 109		45 109
6000		Thông tin tuyên truyền liên lạc	82 580		82 580		82 580	40 000	122 580
	6608	Sách, báo, tạp chí thư viện						40 000	40 000
		Sách thư viện, số sách chuyên môn, đăng bài tuyên truyền trên các báo	50 000		50 000		50 000	15 000	65 000
		Báo, tạp chí thư viện	14 000		14 000		14 000	15 000	29 000
		Sách, truyện học sinh	10 000		10 000		10 000	10 000	20 000
	6605	Quốc phí internet: 1.000.000đ/ tháng x 12 tháng=12.000.000	8 580		8 580		8 580		8 580
6650		Hội nghị	75 000	33 100	41 900	5 000	36 900		36 900
	6657	Chi tổ chức hội nghị: khai giảng, sơ kết, tổng kết, 20/11, Hội nghị CBCC, hội nghị triển khai năm học mới (thuê trang phục biểu diễn văn nghệ, ăn uống, ảnh chụp, phòng bạt, di, đạo diễn chương trình, quạt, khăn...)	55 000	23 100	31 900	5 000	26 900		26 900
	6699	Nước uống, hoa, trang trí hội nghị.	20 000	10 000	10 000		10 000		10 000
6730		Chi phí thuê mượn	657 400	15 000	642 400	12 000	630 400		630 400

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QP số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QĐ số 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	6751	Thuê xe đưa học sinh thi HSG, thi đầu thế đặc thể thao, đi tích lịch sử địa phương, thuê xe đưa học sinh thi Giải đấu nuôi hồng, thi giáo viên giỏi cấp Quận, thành phố, thi tiếng hát thầy và trò, nét đẹp văn hóa công sở các cuộc thi của các cấp các ngành....	42 000	5 000	37 000	5 000	32 000		32 000
	6757	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng : 3HV x 3.500.000 x 12T= 126.000.000, 76 trường tổ bảo vệ(01 người) x 3.700.000 x12T=50.400.000	170 400		170 400		170 400		170 400
	6757	Tiền công lao công, tạp vụ, chăm sóc cây: 02 lao công VS trường lớp x 4.500.000/ tháng x 12 tháng =108.000.000, 01 chăm sóc cây x 3.500.000 x12T=42.000.000	150 000		150 000		150 000		150 000
	6757	Chi thuê GV hợp đồng theo số tiết: 10 người x 2.500.000x9T	225 000		225 000		225 000		225 000
	6799	Thuê trang phục biểu diễn văn nghệ các cuộc thi văn nghệ của trường, của Quận, thi đua đặc thể thao, thi GVG cấp Quận, cấp trường, trung thu, noen, thi an toàn giao thông, thuê quán ăn các hoạt động, chuyển để đầu tư từ đầu tiên ngày 30/4/15, 22/12, 26/3, 10/3....thi văn nghệ trường Đảng mừng Xuân.....	70 000	10 000	60 000	7 000			
	6900	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn	189 188	10 000	179 188		179 188	63 000	242 188
	6912	Thay thế linh kiện máy tính, thiết bị tin học: chuột, bàn phím, dây mạng, thiết bị công nghệ thông tin.....	30 000		30 000		30 000	28 000	58 000
	6913	Thay thế linh kiện máy photo, máy in văn phòng: gạt từ, trống, hạt từ...	45 000		45 000		45 000		45 000

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QB số 706/QĐ- UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QB số 3920/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QB số 5497/QĐ- UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QB số 704/QĐ- UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	6921	Thay thế bóng điện bị hỏng các phòng học, chức năng... Cáo với nước nhà vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, đường điện, đường mạng, ổ điện....	44 188		44 188		44 188	10 000	54 188
	6949	Bảo dưỡng quạt trần, bảo dưỡng định kỳ điều hòa	10 000		10 000		10 000	15 000	25 000
	6949	Sửa chữa bàn ghế học sinh, giáo viên, kê bảng....	20 000		20 000		20 000	10 000	30 000
	6949	Làm tường rào dây thép gai bảo vệ an ninh xung quanh trường	30 000		30 000		30 000		30 000
	6949	Kính phủ bảo vệ, bảo dưỡng trụ sở	20 000	10 000	10 000		10 000		10 000
6950		Mua sắm tài sản PV chuyên môn	95 000		95 000		95 000		95 000
	6999	Mua bảng điện tử ngoài cổng trường	80 000		80 000		80 000		80 000
	6999	Mua trống trường	15 000		15 000		15 000		15 000
	6999	Trang thiết bị thể dục thể thao: Lưới quây sân bóng, cầu gôn	30 000		30 000		30 000		30 000
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn ngành	507 800	33 900	473 900	15 000	458 900	15 000	473 900
	7001	Chi mua bổ sung đồ dùng dạy học, đồ dùng giảng dạy các môn học	40 000	6 400	33 600		33 600	10 000	43 600
		Mua trang thiết bị quần áo, cơ phục vụ đoàn đội	20 000		20 000		20 000		20 000
		Đồ mua máy in các phòng chức năng, làm việc (10 máy x 6 tấn/ năm x 150.000đ	7 000		7 000		7 000		7 000

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QĐ số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QĐ số 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		Mua giấy in: 50g x 12 tháng x 58.000	34.800		34.800		34.800		34.800
		Pháo tài liệu: 20.000.000đ/ kỳ x 2 kỳ	40.000		40.000		40.000		40.000
	7004	Đông phác, trang phục GV Thi dực: 2.000.000đ/ ng x 3 GV TD	6.000		6.000		6.000		6.000
	7049	Chi GV làm công tác trường học diện từ	20.000		20.000		20.000	5.000	25.000
		Thi giáo viên giỏi cấp Quận: 5GV x 5.000.000	25.000		25.000		25.000		25.000
		Chuyến đi cấp trường: 40 chuyến đi/ năm	40.000		40.000		40.000		40.000
		Chuyến đi cấp Quận: 03 chuyến đi	12.000		12.000		12.000		12.000
		Hoạt động ngoại khóa: 5 hũ x 5.000.000 (thi tiếng hát thầy và trò, hội thi khoa học kỹ thuật, hội thi đồ dùng dạy học tự làm, thi vẽ tranh kiến thức liên môn giải quyết các vấn đề thực tiễn, các cuộc thi về chuyên môn của GV theo kế hoạch của UBND Quận, hoạt động tổng kết hè của UBND Quận.	25.000		25.000		25.000		25.000
		Chi phí hoạt động thể dục thể thao: Hoạt động hội khỏe phù Đổng, Hội thao, giải chạy báo Hà Nội mới cấp trường, cấp Quận	35.000		35.000		35.000		35.000
		Các chuyến đi giới thiệu sách: 09 chuyến đi x mỗi tháng 1 chuyến đi x 6.000.000đ/ chuyến đi	54.000	10.000	44.000	10.000	34.000		34.000
		Các Chuyến đi phổ biến sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, chuyến đi phổ biến phương pháp đổi mới dạy học, định hướng phát triển năng lực học sinh, giáo dục STEM, tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới, khảo sát lớp 9	20.000	5.000	15.000		15.000		15.000
		Các cuộc thi của giáo viên: thi thiết kế giáo án E- learning, thi thiết bị dạy học tự làm, thi đồ dùng dạy học cấp Quận, thành phố, thi thiết kế giáo án dạy học tích hợp liên môn....	20.000		20.000	5.000	15.000		15.000

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giảm theo QĐ số 768/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 547/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bù sung theo QĐ số 704/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		Chi GV hướng dẫn học sinh làm sản phẩm dự thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, mô hình báo vệ thiên nhiên yêu môi trường dành cho học sinh phổ thông	10 000		10 000		10 000		10 000
		Hỗ trợ học phí cho đại tuyển học sinh giỏi cấp Quận và thành phố các môn văn hóa: 15 học sinh x 1.500.000đ/Hsx 2 kỳ	45 000	10 000	35 000		35 000		35 000
		Chi công tác tuyển sinh lớp 6: chuẩn bị hồ sơ tuyển sinh, tuyển sinh qua mạng trực tuyến, tuyển sinh bằng nộp hồ sơ giấy trực tiếp, hướng dẫn học sinh, phụ huynh về hồ sơ tuyển sinh (làm việc ngoài giờ trong hè)	30 000		30 000		30 000		30 000
		Bồi dưỡng GV dạy câu lạc bộ học sinh giỏi K8,9 ngoài giờ: 6.000.000 x 9T	54 000		54 000		54 000		54 000
		Kinh phí tập huấn, diễn tập phòng cháy chữa cháy, cấp chứng chỉ PCCC	10 000	2 500	7 500		7 500	5 000	12 500
7050		Mua tài sản vô hình	160 000		160 000		160 000		160 000
7053		Kinh phí bảo vệ phần mềm kế toán 3.000.000đ/năm, tài sản: 2.000.000đ/năm, phần mềm đầu	8 000		8 000		8 000		8 000
		Mua phần mềm diệt vi rút	40 000		40 000		40 000		40 000
		Phần mềm duy trì cổng thông tin điện tử	10 000		10 000		10 000		10 000
		Phần mềm quản lý thư	12 000		12 000		12 000		12 000
		Mua phần mềm học liệu	40 000		40 000		40 000		40 000
		Bảo vệ các thiết bị công nghệ thông tin	50 000		50 000		50 000		50 000
7750		Chi khác	152 000	10 000	142 000	20 000	122 000	40 000	162 000

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QĐ số 7668/QĐ- UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ- UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QĐ số 7044/QĐ- UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	7799	Chi học sinh, giáo viên tham gia văn nghệ kỷ niệm các ngày lễ lớn, khai giảng, tổng kết, sơ kết, văn nghệ mừng đảng mừng xuân, 20/11, 26/3, 20/10, 8/3, 22/12, 30/4, 1/5, các cuộc thi của UBND Quận, thành phố							
		Bình quân 1 chương trình: 4.000.000đ x 10 chương trình = 40.000.000	40.000	10.000	30.000		30.000	10.000	40.000
		Mua men xử lý bề phốt: 5.000.000 x 2 kỳ	10.000		10.000		10.000	10.000	20.000
		Mua cây cảnh: cây hoa hồng trong chậu, cây hoa hồng xung quanh trường, cây hoa hồng trong bồn, cỏ nhiệt, cây xanh to trồng quanh trường...Bổ sung cây xanh dịp lễ tết trồng cây theo kế hoạch lễ tết trồng cây của UBND Quận	102.000		102.000	20.000			
7950		Trích lập các quỹ của đơn vị	423.600		423.600		423.600	20.000	102.000
	7951	Trích lập quỹ ăn định thu nhập	60.000		60.000		60.000		60.000
	7952	Trích lập quỹ phúc lợi	243.600		243.600		243.600		243.600
		Chi các ngày lễ, tết cho CBGV: giỏ禮 Hùng Vương 10/3, 30/4, 1/5, 12/9 (3 ngày)							
		CBGV biên chế: 38 ng x 400.000 x 3ngày = 45.600.000, HD: 30ng x 200 x 3 ngày = 18.000.000	63.600		63.600		63.600		63.600
		Ngày 20/11: GVBC 38ng x 1.000.000 = 38.000.000, HD: 30 ng x 500.000 = 15.000.000	53.000		53.000		53.000		53.000
		Tết dương lịch: GVBC 27 người x 1.000.000 = 27.000.000, HD: 30 ng x 500.000 = 15.000.000	42.000		42.000		42.000		42.000

Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QĐ số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 5497/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QĐ số 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	6301	0,5% BHYT(LD&BN)(122.89 x 280.000 x 12T x 0,5%)	2.064		2.064		2.064		2.064
	6302	3% BHYT(122.89 x 280.000 x 12 T x 3%)	12.387		12.387		12.387		12.387
	6303	2% KPCD(122.89 x 280.000 x 12T x 2%)	8.258		8.258		8.258		8.258
	6304	1% BHYT(105.6934 x 280.000 x 12T x 1%)	4.129		4.129		4.129		4.129

Ngày 14 tháng 11 năm 2021

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH XÁC NHẬN

KẾ TOÁN

Ngày 09 tháng 11 năm 2021

Hiệu trưởng



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Tài chính Kế toán

Nguyễn Hồng Hoa

Trần Thị Thanh Hà



Mục	TM	Nội dung chi	Dự toán giao theo QĐ số 76/8/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	Dự toán giảm theo QĐ số 392/8/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	Dự toán còn lại	Dự toán giảm theo QĐ số 549/7/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	Dự toán còn lại	Dự toán bổ sung theo QĐ số 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	Tổng Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		Tải âm lịch: GYBC 27ng x 2.000.000= 54.000.000, 1.000.000 = 31.000.000; HD: 31 ng x	85.000		85.000		85.000		85.000
	7953	Trích lập quỹ khen thưởng	50.000		50.000		50.000		50.000
	7954	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	70.000		70.000		70.000		70.000
	II	CHI THU/C HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	796.000		796.000		796.000		796.000
6000		Tiền lương	622.402		622.402		622.402		622.402
	6001	Lương theo ngạch bậc: 75,71 x 280.000 x 12 tháng	139.000		139.000		139.000		139.000
		Truy lĩnh do nâng lương, nâng hạng	3.402		3.402		3.402		3.402
		40% học phí phụ thuộc CCTL	480.000		480.000		480.000		480.000
6100		Phụ cấp lương	76.566		76.566		76.566		76.566
	6101	Phụ cấp chức vụ: 0,6 x 280.000 x 12T	2.016		2.016		2.016		2.016
	6112	Phụ cấp ngành: HS 24.709 x 280.000 x 12T	53.371		53.371		53.371		53.371
	6113	Phụ cấp trách nhiệm: 1,25 x 280.000 x 12T	4.200		4.200		4.200		4.200
	6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo: HS: 5,0534 x 280.000 x 12T	16.979		16.979		16.979		16.979
6300		Các khoản đóng góp	97.032		97.032		97.032		97.032
	6301	17% BHXH (172,89 x 280.000 x 12T x 17%)	70.194		70.194		70.194		70.194

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN

CỘNG HÒA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7044/QĐ-UBND

Long Biên, ngày 08 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách cho các đơn vị
thuộc quận Long Biên (Đợt 3 - năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân quận Long Biên về bổ sung, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách cho các đơn vị thuộc quận Long Biên (Đợt 3 - năm 2021);

Căn cứ Quyết định số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của Quận Long Biên năm 2021;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách quận cho các phòng, ban, đơn vị thuộc quận (Đợt 3 - 2021) để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh năm 2021, số tiền: 70.848.367.000 đồng (Bảy mươi tỷ, tám trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Cụ thể:

- Hỗ trợ, bổ sung kinh phí cho các phòng ban, đơn vị thuộc quận: 53.336.367.000 đồng (Chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm).

- Bổ sung kinh phí chi hoạt động thường xuyên cho các phường để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh: 1.740.000.000 đồng (Chi tiết theo Biểu số 02 đính kèm).

- Bổ sung kinh phí cho các trường học công lập các cấp học: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc quận để đảm bảo kinh phí hoạt động do tăng số lượng học sinh sau tuyển sinh năm học mới 2021-2022 và do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 không thu được học phí: 14.512.000.000 đồng (Chi tiết theo Biểu số 03,04,05 đính kèm)

* Nguồn kinh phí: Nguồn kết dư ngân sách quận năm 2020.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị được giao bổ sung, hỗ trợ kinh phí ghi tại Điều 1 quyết định này có trách nhiệm lập, rút dự toán chi ngân sách bổ sung năm 2021 theo quy định; Sử dụng kinh phí theo đúng chế độ và Quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND - UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị ghi tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc nhà nước Long Biên và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- TT Quận ủy;
- TT HĐND-UBND quận;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH (145b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
-	Quản lý chống lấn chiếm sau công tác GPMB một số ô quy hoạch chưa thực hiện dự án trên địa bàn quận Long Biên năm 2021	3.800.000
5	Ban chỉ huy quân sự quận	390.000
-	Kinh phí tiêu hủy bom tấn sót sau chiến tranh phát hiện phía thượng lưu sông Hồng thuộc phường Ngọc Lâm (02 quả); thuộc phường Bồ Đề (01 quả)	390.000
6	Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Long Biên	5.000.000
-	Bổ sung kinh phí cho Ngân hàng chính sách thực hiện Đề án "Tăng nguồn vốn cho vay giảm nghèo, hỗ trợ tạo việc làm bằng ngân sách quận Long Biên giai đoạn 2021-2026"	5.000.000
7	Bảo hiểm xã hội quận Long Biên	12.316.367
-	Kinh phí NSNN hỗ trợ 30% mức đóng đối với BHYT học sinh Quý 4/2020 và Quý 1,2,3 năm 2021	12.316.367
8	Công đoàn cơ quan UBND quận	100.000
-	Bổ sung kinh phí hoạt động năm 2021	100.000
9	Tòa án nhân dân quận Long Biên	490.000
-	Hỗ trợ Kinh phí Cải tạo, nâng cấp trụ sở Tòa án nhân dân Quận (Đợt 1)	490.000
10	Ban trị sự Phật giáo quận Long Biên	100.000
-	Hỗ trợ Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu Phật giáo quận Long Biên lần thứ IX nhiệm kỳ 2021 -2026	100.000
11	Bổ sung kinh phí chi lương và các hoạt động cần thiết do ảnh hưởng của dịch Covid 19 không thu được học phí (Đối với 02 trường Mầm non chất lượng cao)	2.000.000
-	Mầm non Đô thị Sài Đồng	950.000
-	Mầm non Đô thị Việt Hưng	1.050.000

Biểu số 1

**KINH PHÍ HỖ TRỢ, BỔ SUNG CHO CÁC PHÒNG BAN, ĐƠN VỊ THUỘC QUẬN
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH (ĐỢT 3 - 2021)**

(Kèm theo Quyết định số: 7044/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG CỘNG	53.336.367
1	Phòng Tài nguyên & môi trường	940.000
-	Kinh phí đo đạc hiện trạng sử dụng đất bãi bồi phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	510.000
-	Kinh phí lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai quận Long Biên	430.000
2	Phòng Quản lý đô thị	1.450.000
-	Bổ sung kinh phí lắp đặt bổ sung hệ thống biển báo, sơn kẻ vạch, tổ chức giao thông tại một số tuyến đường trên địa bàn Quận	1.900.000
-	Điều chỉnh giảm kinh phí ấn bản số nhà, biển ngõ công, cấp giấy chứng nhận số nhà đã giao tại Quyết định số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND quận Long Biên.	450.000
3	Thanh tra quận	150.000
-	Kinh phí thực hiện 02 đoàn Thanh tra đột xuất; Kinh phí triển khai cuộc thi "Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng"	150.000
4	Trung tâm phát triển quỹ đất	30.400.000
-	Bổ sung kinh phí cải tạo sửa chữa chống xuống cấp các trường học trên địa bàn quận	16.000.000
-	Duy tu duy trì và sửa chữa hệ thống vỉa hè, lòng đường theo phân cấp trên địa bàn quận Long Biên năm 2021	4.500.000
-	Nâng cấp đài truyền thanh các phường trên địa bàn quận Long Biên	4.000.000
-	Cải tạo, sửa chữa hệ thống lan can và đường dạo hư hỏng mất an toàn tại các hồ trên địa bàn quận Long Biên	2.100.000

BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ KHỎI MÀM NON - NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Kinh phí bổ sung 2021		
		Bổ sung kinh phí do không thu được học phí trong 06 tháng (60% học phí x số học sinh - Tính từ tháng 7 đến tháng 12)	Chênh lệch tăng mức tiền công HDLĐ định mức do chuyển đổi HDLĐ theo Nghị định 161	Tổng cộng
Tổng số		6.199.000	2.826.000	9.025.000
1	MN Ánh Sao	195.000	96.000	291.000
2	MN Thượng Thanh	154.000	83.000	237.000
3	MN Gia Quất	163.000	83.000	246.000
4	MN Ngọc Thụy	234.000	108.000	342.000
5	MN Bắc Cầu	119.000	57.000	176.000
6	MN Gia Thượng	246.000	102.000	348.000
7	MN Bắc Biên	160.000	70.000	230.000
8	Mn Thạch Bàn	324.000	102.000	426.000
9	MN Hoa Mai	205.000	83.000	288.000
10	MN Hoa Sữa	310.000	134.000	444.000
11	MN Phúc Lợi	165.000	83.000	248.000
12	MN Tuổi Hoa	200.000	102.000	302.000
13	MN Giang Biên	209.000	102.000	311.000
14	MN Trảng An	222.000	108.000	330.000
15	MN Việt Hưng	163.000	77.000	240.000
16	MN Hoa Thủy Tiên	247.000	115.000	362.000
17	MN Cự Khối	144.000	64.000	208.000
18	MN Hoa Phượng	110.000	51.000	161.000
19	MN Gia Thụy	233.000	102.000	335.000
20	MN Chim Én	292.000	121.000	413.000
21	MN Bồ Đề	177.000	83.000	260.000
22	MN Hồng Tiến	257.000	115.000	372.000

STT	Tên đơn vị	Kinh phí bổ sung 2021		
		Bổ sung kinh phí do không thu được học phí trong 06 tháng (60% học phí x số học sinh - Tính từ tháng 7 đến tháng 12)	Chênh lệch tăng mức tiền công HĐLĐ định mức do chuyển đổi HĐLĐ theo Nghị định 161	Tổng cộng
23	MN Hoa Sen	184.000	77.000	261.000
24	MN Đức Giang	189.000	96.000	285.000
25	MN Thạch Cầu	137.000	70.000	207.000
26	MN Long Biên	182.000	89.000	271.000
27	MN Long Biên A	131.000	64.000	195.000
28	MN Sơn Ca	203.000	96.000	299.000
29	MN Phúc Đồng	233.000	102.000	335.000
30	MN Tân Mai	124.000	57.000	181.000
31	MN Hoa Anh Đào	172.000	70.000	242.000
32	MN Hoa Hướng Dương	115.000	64.000	179.000